

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 116/2009/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2009

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 64/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và
biên chế đối với ngành Thuế năm 2009 và năm 2010**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 64/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với ngành Thuế năm 2009 và năm 2010;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với ngành Thuế năm 2009 và năm 2010 như sau:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với các đơn vị thuộc ngành Thuế trực thuộc Bộ Tài chính trong năm 2009 và năm 2010 theo Quyết định số 64/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

Việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của ngành Thuế phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu sau:

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các khoản thu nội địa; hoàn thành nhiệm vụ thu thuế cho ngân sách nhà nước được nhà nước giao.
- Đổi mới cơ chế quản lý biên chế và kinh phí hoạt động của ngành Thuế; thúc đẩy việc sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, có trình độ chuyên môn cao; sử dụng kinh phí được giao gắn với kết quả và hiệu quả hoạt động tổ chức thu ngân sách nhà nước; trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho thủ trưởng đơn vị trong tổ chức công việc, sử dụng lao động và sử dụng các nguồn lực tài chính.
- Chủ động trong sử dụng nguồn kinh phí được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tập trung hiện đại hóa công nghệ thông tin và trang bị kỹ thuật hiện đại để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và hiện đại hoá công nghệ quản lý nhằm thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ nhà nước giao, đủ điều kiện hội nhập quốc tế; tăng cường đào tạo và bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức.
- Thực hiện công khai dân chủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức ngành Thuế.

Điều 3. Về biên chế

1. Biên chế của ngành Thuế được xác định trong phạm vi tổng số biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho Bộ Tài chính. Bộ trưởng Bộ Tài chính giao chỉ tiêu biên chế cho ngành Thuế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định trên cơ sở chủ động tổ chức, sắp xếp bộ máy quản lý và sử dụng lao động theo đúng chủ trương tinh giản biên chế của Nhà nước.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chủ động tổ chức, quản lý, sử dụng công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và của Bộ Tài chính. Tổng số biên chế giao cho các đơn vị thuộc ngành Thuế không vượt quá chỉ tiêu biên chế đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao cho ngành Thuế.

Ngoài số biên chế được giao, ngành Thuế được hợp đồng thuê khoán công việc và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp do thành lập thêm hoặc sáp nhập Cục thuế tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc được bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chủ động sắp xếp biên chế trong tổng biên chế được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao. Trường hợp cần thiết cần phải tăng chỉ tiêu biên chế để đáp ứng công việc mới phát sinh, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để xem xét và thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 4. Kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Thuế

1. Kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Thuế (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp trực thuộc ngành Thuế) được xác định là 1,8% trên dự toán thu được Quốc hội thông qua do ngành Thuế tổ chức thực hiện trong dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Dự toán thu làm cơ sở để xác định kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Thuế bao gồm:

a) Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng;

b) Các khoản thu thuế nội địa (không kể dầu thô), gồm:

- Thuế giá trị gia tăng;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Thuế tiêu thụ đặc biệt;

- Thuế tài nguyên;

- Thuế môn bài;

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

- Thuế chuyển quyền sử dụng đất từ các năm trước (nếu có);

- Thuế nhà, đất;

- Thuế thu nhập cá nhân;

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước;

- Thu tiền cho thuê tài sản nhà nước;

- Thu tiền sử dụng đất;

- Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước;

- Các khoản thu khác của ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý;

- Thu phí xăng dầu;
- Thu về khí thiên nhiên của Chính phủ được phân chia theo hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí;
- Lệ phí trước bạ;
- Thu phí và lệ phí.

3. Trường hợp số thu do ngành Thuế tổ chức thực hiện hàng năm tăng, hoặc giảm so với dự toán thu được Quốc hội thông qua, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo quy định tại Điều 59, Luật ngân sách nhà nước.

4. Khi nhà nước thay đổi chính sách, chế độ, ngành Thuế tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới. Trường hợp do các yếu tố khách quan dẫn đến mức kinh phí giao cho ngành Thuế không đủ để bảo đảm mức chi tối thiểu duy trì hoạt động bộ máy thì Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 5. Các nguồn kinh phí khác

Ngoài mức kinh phí được giao theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, ngành Thuế còn được sử dụng các nguồn kinh phí sau:

1. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý khoa học và các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ;
 - b) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo chương trình của nhà nước.
 - c) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án khác của Chính phủ ngoài nhiệm vụ thường xuyên của ngành Thuế.
 - d) Thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định.
2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí trên đây, ngành Thuế phải thực hiện theo đúng nội dung sử dụng, đúng các chế độ chi theo quy định hiện hành phù hợp với từng nguồn kinh phí.

Điều 6. Nội dung sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Thuế

1. Nội dung chi thường xuyên:

Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên của ngành Thuế bao gồm các nội dung sau:

- a) Chi thanh toán cá nhân: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp (gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn), khen thưởng và phúc lợi tập thể theo chế độ nhà nước quy định và các khoản thanh toán khác cho cá nhân (bao gồm cả chi tăng lương, chi thuê khoán công việc và hợp đồng lao động thuê ngoài). Mức chi tiền lương bình quân toàn ngành là 1,8 lần so với chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các loại phụ cấp, trừ phụ cấp làm đêm, thêm giờ).
- b) Chi quản lý hành chính và chi bảo đảm hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, gồm:
 - Chi các khoản thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền thông, liên lạc, hội nghị, chi công tác phí, thuê mướn...;
 - Chi tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế;